TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1251/2026/DS-ST
Ngày: 29 - 5 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Phi Yến
2. Ông Nguyễn Trần Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1450/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2026/QĐXXST-DS ngày 14/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2026/QĐST-DS ngày 07/5/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T; Trụ sở: I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G – sinh năm 2001; Địa chỉ: P Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Mỹ L – sinh năm 1989; CCCD: 08318900594; Địa chỉ: 6 T, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27/10/2025 của nguyên đơn – Công ty T (Việt Nam) và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/07/2023, Công ty T (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 4741494 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Phan Thị Mỹ L (sau đây gọi là bị đơn) với khoản vay trị giá 32.310.000 đồng (giải ngân ngày 10/07/2023), mức lãi suất: 43%/năm.

Công ty ký hợp đồng với bị đơn theo hình thức điện tử được chứng thực bởi Công ty H1 chứng thực (F là một trong năm đơn vị đầu tiên cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử tại Việt Nam được cấp bởi Bộ C). Trong suốt quá trình thực hiện giao kết hợp đồng điện tử, Công ty H1 xác minh thông tin khách hàng vay của

Công ty T một cách kỹ càng và sau đó chuẩn hóa thành hợp đồng điện tử có hiệu lực và thể hiện đầy đủ các điều khoản và cam kết của các bên để đi đến thông nhất. tiếp theo, việc ký kết chính thức sẽ theo các bước như sau:

Bước 1: Bị đơn xác thực thông tin khoản vay bị đơn đọc và chọn đồng ý các điều khoản điều kiện ký kết hợp đồng điện tử với Công ty T; Bước 2: Bị đơn tiến hành chụp ảnh CCCD; Bước 3: chụp ảnh chân dung bị đơn theo hướng dẫn; Bước 4: Bị đơn kiểm tra toàn bộ nội dung hợp đồng; Bước 5: Mã xác thực gửi đến số điện thoại bị đơn đã đăng ký sau đó bị đơn nhập mã OTP hoàn thành việc ký hợp đồng điện tử.

Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng. Theo đó, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 10/08/2023 đến ngày 10/07/2026.

Quá trình thực hiện, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T đã tiến hành liên hệ qua điện thoại, gửi thư đề nghị bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T.

Do đó, Công ty T kính đề nghị Tòa xem xét giải quyết buộc bị đơn toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T với tổng số tiền (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi) tạm tính đến ngày 29/5/2026 là: 52.344.811đồng, bao gồm:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 32.310.000 đồng.

- Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 17.863.833 đồng.

- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 928.213 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 1.242.765 đồng.

Đồng thời, bị đơn phải thanh toán lãi phát sinh từ ngày 30/5/2026 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T có đơn xin vắng mặt và có nộp bản tự khai, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Yêu cầu của Công ty T là có cơ sở, phù hợp pháp luật, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Công ty T khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 4741494 ngày 09/7/2023. Công ty T là tổ chức tín dụng; bị đơn ký kết, xác lập hợp đồng với Công ty T nhằm mục đích vay tiền. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo kết quả xác minh của Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bị đơn có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại địa phương.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệp tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được đồng thời tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Công ty T yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2026 là 52.344.811 đồng, trong đó: số dư nợ gốc 32.310.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 17.863.833 đồng; tiền lãi quá hạn: 928.213 đồng; tiền lãi chậm trả: 1.242.765 đồng và yêu cầu bị đơn thanh toán lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận từ ngày 30/5/2026 cho đến khi thi hành án xong, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của ngân hàng. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định như sau:

Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4741494 ngày đề nghị vay 06/7/2023 được ký kết ngày 09/7/2023 giữa Công ty T và bị đơn; chứng từ giải ngân khoản vay; lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định: Ngày 09/7/2023, Công ty T có ký hợp đồng tín dụng số 4741494 với bị đơn với khoản vay trị giá 32.310.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất là 43%/năm (3,58%/tháng), khoản nợ vay được thanh toán từng tháng. Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, từ ngày 11/01/2025, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Công ty T (Việt Nam) là tổ chức tín dụng được cấp phép hoạt động; Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có

mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; việc thỏa thuận lãi vay, lãi trong hạn, quá hạn giữa các bên là phù hợp pháp luật. Theo hợp đồng tín dụng, lịch sử thanh toán của bị đơn, bảng sao kê chi tiết tính lãi do nguyên đơn cung cấp thì mức lãi suất, thời gian tính lãi cũng như số tiền lãi phát sinh là phù hợp các quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Công ty T.

[2.2] Về thời hạn thanh toán: Công ty T yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số tiền nợ. Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên buộc bị đơn thanh toán cho Công ty T ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.617.241 đồng.

H lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2025);

- Căn cứ Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – Công ty T (Việt Nam):

1.1. Bà Phan Thị Mỹ L có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật

số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2026 là: 52.344.811 đồng (Năm mươi hai triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm mười một đồng), trong đó: Nợ gốc 32.310.000 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm mười ngàn đồng), tiền lãi trong hạn: 17.863.833 đồng (Mười bảy triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm ba mươi ba đồng), tiền lãi quá hạn: 928.213 đồng (Chín trăm hai mươi tám ngàn hai trăm mười ba đồng), tiền lãi chậm trả: 1.242.765 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn bảy trăm sáu mươi lăm đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phan Thị Mỹ L phải tiếp tục thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) các khoản lãi phát sinh đến khi trả hết nợ

hoặc thi hành án xong theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng hai bên đã ký.

1.3. Địa điểm thi hành: Tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.617.241 đồng (Hai triệu sáu trăm mười bảy ngàn hai trăm bốn mươi mốt đồng).

- H lại cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 1.047.115 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm mười lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046825 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4-TP.HCM;
- THADS TP.HCM (Phòng THADS KV4);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mai Thị Bích Thảo